

Số: 572/2021/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội (quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 539/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/11/2021, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**- Chị Lê Thị T1** - sinh năm 1990.

Nơi ĐKKHKT và hiện trú tại: số 20, ngõ 8, đường H, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

**- Và anh Trần Danh T2** - sinh năm 1989.

Nơi ĐKKHKT và hiện trú tại: số 20, ngõ 8, đường H, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tình cảm: Hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn, cả anh Trần Danh T2 và chị Lê Thị T1 cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh T2 và chị T1 đều xác nhận anh chị có 01 con chung là Trần Hà P (nữ) sinh ngày 17/09/2011. **Ly hôn, anh chị đã thống nhất tự thỏa thuận để anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu chị T1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu P, chị T1 xin được hoãn đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu P, anh T2 đồng ý.**

[3] Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Anh T2 và chị T1 thống nhất xác nhận ly hôn vợ chồng anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

[4] Về nợ: Anh T2 và chị T1 thống nhất xác nhận quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có khoản vay nợ nào chung và không cho ai vay nợ. Ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: anh T2 tự nguyện nộp cả tiền lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm, chị T1 đồng ý.

Ngoài ra anh T2 và chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Danh T2 và chị Lê Thị T1.

- *Về con chung*: Anh T2 và chị T1 đều xác nhận anh chị có 01 con chung là Trần Hà P (nữ) sinh ngày 17/09/2011.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh T2 và chị T1: Giao cháu P cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung là cháu P đối với chị T1 cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu hoặc có quyết định pháp luật khác thay thế.

Chị T1 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản)*: Anh T2 và chị T1 thống nhất xác nhận ly hôn vợ chồng anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung, nên Tòa không xét.

- *Về nợ*: Anh T2 và chị T1 thống nhất xác nhận quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có khoản vay nợ nào chung và không cho ai vay nợ. Ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ, nên Tòa không xét.

**2. Lệ phí giải quyết việc dân sự**: Anh T2 tự nguyện nộp cả 300.000 đồng tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự (đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số **09476** ngày 22/11/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

***Đào Thị Hồng Lý***